TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 143/2024/HS-ST
Ngày: 27/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Trần Thu Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Văn Khanh**

Bà Nguyễn Thị Cúc

Thư ký phiên toà: **Bà Phạm Lệ Quyên** - Thư ký Toà án

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: **Bà Nguyễn Thanh Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 116/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2024/QĐXXST-HS ngày 03/6/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐ – HPT ngày 14/6/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: ĐNP – sinh năm: 1983

Hộ khẩu thường trú: tổ 19 phường S, quận Long Biên, TP Hà Nội

Chỗ ở: tổ 19 phường S, quận Long Biên, TP Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Văn hóa: 12/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bố: Đặng Khắc L, sinh năm 1954

Mẹ: Đặng Thị Kim O, sinh năm: 1958

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai

Vợ: Mai Thị Thúy H, sinh năm: 1984

Có 05 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo tự thú và bị tạm giữ từ ngày 06/01/2024, hủy bỏ biện pháp tạm giữ ngày 11/01/2024, hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Họ và tên: MVD – sinh năm: 1978

Hộ khẩu thường trú: tổ 13 phường T, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: tổ 13 phường T, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Văn hóa: 12/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bố: Mai Văn T, sinh năm: 1950

Mẹ: Lê Thị H, sinh năm: 1951

Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai

Vợ: Mai Thúy H, sinh năm: 1981

Bị cáo có 03 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 06/01/2024, hủy bỏ biện pháp tạm giữ ngày 11/01/2024, hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Họ và tên: TVT – sinh năm: 1978

Hộ khẩu thường trú: khu 2 xã P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ

Chỗ ở: khu 2 xã P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Văn hóa: 9/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bố: Trần Văn P (đã chết)

Mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1937

Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu

Vợ: Nguyễn Thị D, sinh năm: 1980

Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2010

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Tại bản án số 33/HSST ngày 29/7/2003, Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ xử phạt T 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thu hồi 15.000 đồng tịch thu sung quỹ Nhà nước; buộc T nộp án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng. tại Bản án số 41/HSPT ngày 18/9/2003, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt T 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản. T đã thi hành án xong, đã nộp tiền án phí (đã được xóa án tích).

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 06/01/2024, hủy bỏ biện pháp tạm giữ ngày 11/01/2024, hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 06/01/2024, Đội cảnh sát hình sự Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Long Biên, thành phố Hà Nội tiếp nhận đối tượng ĐNP đến tự thú về hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề với các đối tượng MVD và TVT với nội dung như sau:

ĐNP, sinh năm 1983; nơi thường trú: tổ 19, phường S, quận Long Biên, thành phố Hà Nội và MVD, sinh năm: 1978; nơi thường trú: tổ 13, phường T, quận Long Biên, thành phố Hà Nội là anh em đồng hao với nhau và hiện đang cùng kinh doanh xưởng giặt là tại phường T, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Quá trình làm việc P và D cùng nảy sinh việc đánh bạc dưới hình thức nhận mua số lô, số đề của người

khác để hưởng lợi. Qua mối quan hệ xã hội P quen TVT, sinh năm: 1978; nơi thường trú: khu 2, xã Phú Hộ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ hiện là lao động tự do tại phường T và có nói với T về việc mình nhận mua số lô đề của người khác. Quá trình nói chuyện P nói với T về việc nhận mua số lô số đề của người khác khi có nhu cầu và nói với T về việc mua, bán và thắng, thua trong việc đánh bạc như sau: Khi có nhu cầu thì T sẽ mua các số lô của P với giá 1 điểm lô là 23.000đ *(hai mươi ba nghìn đồng)*, người mua được chọn 02 số bất kỳ từ 00 đến 99 không hạn chế số chọn và điểm mua, căn cứ vào 02 số cuối cùng của 27 giải từ Đặc biệt đến giải bảy của kết quả xổ số Miền Bắc làm căn cứ trúng, trượt của việc mua số lô với tỷ lệ là 80.000đ/1 điểm lô đã mua, nếu như số lô đã mua có tại nhiều giải khác nhau thì số tiền thắng sẽ nhân tương ứng với số lần xuất hiện của các số lô đã mua tại các giải. Đối với việc mua số đề thì T sẽ phải trả 90% số tiền thực tế muốn mua 01 số đề. Căn cứ để xác định thắng thua trong việc mua số đề là 02 số cuối giải đặc biệt của kết quả xổ số Miền Bắc.

Ngày 05/01/2024, do nảy sinh ý định đánh bạc nên T sử dụng tài khoản Zalo của mình có tên là "Tran Tam" được đăng ký bằng số điện thoại 0329007536 nhắn tin vào tài khoản Zalo của P là "Dnphuc" được đăng ký bằng số điện thoại 0329007536 với nội dung "Em đanh cho anh con lô 53 50đ đề 51'52'53'54 nhân 30k" để xác nhận tin nhắn mua các số lô, số đề trên thì P trả lời là "Ok 1 tin". T với P đều hiểu T mua 50 điểm số lô 53 tương ứng số tiền là 1.150.000đ *(một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)* và các số đề 51; 52; 53; 54 mỗi số 30.000đ *(ba mươi nghìn đồng)* tương ứng số tiền 120.000đ nhưng T chỉ phải trả cho P số tiền 108.000đ *(một trăm linh tám nghìn đồng)*. Do D đã thống nhất từ trước với đối tượng tên H ở khu vực phường T (chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch) về việc mua các số lô, số đề của H như sau: 01 điểm lô có giá 21.700đ, tiền mua số đề có giá 82% tổng số tiền mua, về tỷ lệ thắng thua của việc trúng số lô, số đề cũng tương tự như thoả thuận với T. Sau khi nhận các số lô, số đề trên thì P đã chuyển tiếp toàn bộ tin nhắn mua số lô số đề T gửi cho P sang cho D để D biết được việc bán các số lô, số đề. Lúc này, do P với D đang ở cùng với nhau nên đã cùng bàn bạc thống nhất với nhau giữ lại toàn bộ số đề T mua đồng thời chuyển lại cho đối tượng H 30 điểm lô số 53 tương đương 651.000đ *(sáu trăm lăm mốt nghìn đồng)* và cùng thống nhất mua thêm các số đề của H như sau: 11, 22 mỗi số 20.000đ; 83 với giá 60.000đ; 09, 90 mỗi số với giá 30.000đ; 22, 08 mỗi số 20.000đ tương đương 164.000đ *(một trăm sáu tư nghìn đồng)* nên sau đó D đã nhắn tin cho H bằng tài khoản Imess được đăng ký bằng số điện thoại 0987.337.755 nhắn tin vào tài khoản Imess của đối tượng H được đăng ký bằng số điện thoại 0387.857.443 và D lưu trong danh bạ là "Sư Huynh" với nội dung "Lô: 53x30 - 11x20n - 22x20n" để xác nhận việc bán các số lô, đề trên thì anh H trả lời D "1", sau đó D tiếp tục nhắn tin tiếp cho H "Đề: 83x60n" "Đề: 090x30-22-08x20n", để xác nhận việc mua bán số đề trên thì anh H trả lời D "3". Căn cứ kết xổ số Miền Bắc ngày 05/01/2024 thì T không trúng số đề nào và trúng 50 điểm số lô 53 tương ứng số tiền 4.000.000đ *(bốn triệu đồng)*, tổng số tiền đánh bạc của T với P và D là 5.258.000 *(năm triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng)*. Ngoài ra với việc

chuyển cho H 30 điểm số lô 53 và mua các số đề 11, 22 mỗi số 20.000đ; 83 với giá 60.000đ; 09, 90 mỗi số với giá 30.000đ; 22, 08 mỗi số 20.000đ tương đương 164.000đ *(một trăm sáu tư nghìn đồng)*. Kết quả chỉ trúng số lô 53 với 30 điểm tương đương với số tiền 2.400.000đ *(hai triệu bốn trăm nghìn đồng)* còn không trúng số đề nào, tổng số tiền P với D đánh bạc với H là 3.215.000đ *(ba triệu hai trăm mười năm nghìn đồng)* đồng thời được hưởng lợi 39.000đ đối với việc chênh lệch tiền chuyển đi 30 điểm số lô 53.

Ngày 06/01/2024, Sau khi nhận thức được hành vi của mình thì ĐNP đã đến Công an quận Long Biên để tự thú về hành vi của mình và khai nhận nội dung như trên. Sau khi biết hành vi của bản thân bị phát hiện thì lần lượt MVD và TVT đã đến Công an quận Long Biên để đầu thú về hành vi của mình đồng thời khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 số Imei 1: 352909110607609; Imei 2: 352909110592017 tạm giữ của MVD.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus số Imei: 359187072155239 tạm giữ của ĐNP.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A17 số Imei 1: 865020066345275 tạm giữ của TVT.

Tiến hành kiểm tra chiếc điện thoại mà D, P và T đã giao nộp: Trong điện thoại Iphone 7 Plus của ĐNP vẫn còn các tin nhắn mua số lô đề ngày 05/01/2024 giữa T và P, và tin nhắn P chuyển cho D. Trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của D vẫn còn tin nhắn mua lô đề P chuyển cho D và D mua bán lô đề cho người có tên trong danh bạ là "Sư Huynh". Trong điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A17 của T vẫn còn các tin nhắn mua số lô đề giữa T và P.

Lời khai của ĐNP, MVD và TVT phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại Cáo trạng số: 119/CT - VKS ngày 15/5/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã truy tố các bị cáo ĐNP, MVD và TVT về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa thấy rằng: hành vi của các bị cáo ĐNP, MVD và TVT đã đủ yếu tố cấu thành tội: Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Về hình phạt đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm r, i, s khoản 1 Điều 51, điều 17, điều 58, Điều 65 BLHS đối với bị cáo **ĐNP.**

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 17, điều 58, Điều 65 BLHS đối với bị cáo **MVD.**

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS đối với bị cáo **TVT.**

Đề nghị xử phạt các bị cáo với mức án sau:

- Xử phạt bị cáo **ĐNP** từ 08 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 16 đến 20 tháng.

- Xử phạt bị cáo **MVD** từ 09 đến 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 18 đến 22 tháng.

- Xử phạt bị cáo **TVT** từ 08 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 16 đến 20 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Đề nghị cho tịch thu, sung quỹ Nhà nước 03 chiếc điện thoại đã thu giữ của các bị cáo.

Nói lời sau cùng, các bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình là sai, vi phạm pháp luật. Mong HĐXX cho các bị cáo được hưởng án treo để được lao động nuôi dạy các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến gì và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú, đầu thú; biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm Sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 05/01/2024, TVT có hành vi đánh bạc dưới hình thức mua số lô, số đề với ĐNP và MVD với tổng số tiền đánh bạc là 5.258.000đ *(năm triệu hai trăm năm tám nghìn đồng)*. Sau khi nhận các số lô, số đề trên thì P và D tiếp tục có hành vi

đánh bạc với đối tượng H với tổng số tiền đánh bạc là 3.215.000đ *(ba triệu hai trăm mười năm nghìn đồng)*, tổng số tiền P và D phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án là 8.473.000đ *(tám triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng)*. Số tiền mà T phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án là 5.258.000đ *(năm triệu hai trăm năm tám nghìn đồng)*.

Hành vi của các bị cáo ĐNP, MVD và TVT đã cấu thành tội Đánh bạc. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố các bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ.

Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm trật tự công cộng được bộ luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội nên cần phải xử lý phù hợp đối với hành vi của các bị cáo gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo P và D nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo T có 01 tiền án năm 2003 đã được xoá án tích. Vì vậy, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ:

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo ĐNP và MVD phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo P ra tự thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 điều 51; bị cáo D và T ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS.

Hội đồng xét xử xét thấy: các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo T có 01 tiền án từ năm 2003 đã được xoá án tích nên mở lượng khoan hồng cho các bị cáo và chỉ cần xử phạt các bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự để tạo điều kiện cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ điều kiện giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo P và bị cáo D là đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều có vai trò như nhau, bị cáo P ra tự thú nên được xem xét giảm nhẹ hình phạt hơn bị cáo D.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy các bị cáo không có công ăn việc làm, thu nhập không ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là có căn cứ.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, hình phạt bổ sung và mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Cho tịch thu, sung quỹ Nhà nước 03 chiếc điện thoại đã thu giữ của các bị cáo là phương tiện phạm tội.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với đối tượng H, bản thân D khai nhận quen biết H trong quá trình tập thể dục tại khu vực nhà văn hóa tổ 12 phường T, Long Biên, Hà Nội. H nói với D H là người ở nơi khác đến sinh sống tại tổ 12, phường T, Long Biên, Hà Nội và sử dụng số điện thoại 0387.857.443 để liên lạc với D. Bản thân D không biết thông tin, địa chỉ nhà ở của H, chỉ biết H khoảng 40 tuổi, cao khoảng 1m70, da trắng, tóc cua, nói giọng miền bắc. Ngày 12/01/2024, Cơ quan CSĐT Công an quận Long Biên đã có công văn số 129/CQCSĐT(ĐTHS) đề nghị Tập đoàn công nghiệp viễn thông Quân Đội Viettel cung cấp thông tin chủ thuê bao do đối tượng H sử dụng. Kết quả chủ thuê bao số điện thoại trên mang tên Phạm Thanh H – sinh ngày: 24/4/1986; hiện ở xã H, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, có số CMND: 250637600. Tiến hành xác minh tại xã H được Công an xã Hòa Bắc cung cấp: Trên địa bàn xã H, huyện Di Linh tỉnh Lâm Đồng không có ai Phạm Thanh H – sinh ngày: 24/4/1986. Tra cứu trên hệ thống quốc gia về dân cư cũng không có ai có số căn cước công dân như trên, Cơ quan CSĐT Công an quận Long Biên đã ra Quyết định truy tìm đối tượng H nhưng chưa có kết quả. Do vậy chưa xác minh làm rõ được đối tượng H, khi nào có căn cứ sẽ tiến hành xử lý sau là có căn cứ.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm r, i, s khoản 1 Điều 51, điều 17, điều 58, Điều 65 BLHS đối với bị cáo **ĐNP.**

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 17, điều 58, Điều 65 BLHS đối với bị cáo **MVD.**

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS đối với bị cáo **TVT.**

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao.

1. Tuyên bố các bị cáo ĐNP, MVD và TVT phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt: Bị cáo ĐNP 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo MVD 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo TVT 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo ĐNP cho UBND phường S, quận Long Biên, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo MVD cho UBND phường T, quận Long Biên, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo TVT cho UBND xã P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo Cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

2.Về vật chứng:

Cho tịch thu, sung quỹ Nhà nước:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có số IMEI 359187072155239 màu đen (được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng bên ngoài phong bì có ghi "Điện thoại di động của ĐNP"),

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có số IMEI 352909110607609 màu trắng (được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng bên ngoài phong bì có ghi "Điện thoại di động của MVD"),

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A17 có số IMEI1: 865020066345275; IMEI2: 865020066345267 màu xanh đen (được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng bên ngoài phong bì có ghi "Điện thoại di động của TVT").

(hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15/5/2024)

3. Về án phí : Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận
- *TANDTP.Hà Nội;*
- *VKSNDTP.Hà Nội;*
- *Sở Tư pháp TP.Hà Nội;*
- *VKSND quận Long Biên;*
- *Công an quận Long Biên;*
- *Chi cục THA. DS quận Long Biên;*
- *Cơ quan THA.HS quận Long Biên;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu VP/TA.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thu Hà

Nơi nhận
- *TANDTP.Hà Nội;*
- *VKSNDTP.Hà Nội;*
- *Sở Tư pháp TP.Hà Nội;*
- *VKSND quận Long Biên;*
- *Công an quận Long Biên;*
- *Chi cục THA. DS quận Long Biên;*
- *Cơ quan THA.HS quận Long Biên;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu VP/TA.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thu Hà